

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi 07 lần do thay đổi vốn điều lệ, ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh và địa chỉ trụ sở chính của Công ty. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 07 ngày 02 tháng 01 năm 2020, điều chỉnh thông tin về địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi 04 lần về tên dự án, quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án. Trong đó, Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, Xã Văn Phú, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 0972 527 712
- Fax : 0972 527 712

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/10/2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2021
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/10/2021
Ông Hoàng Quốc Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/10/2021
Ông Huỳnh Song Trà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2021
Ông Nguyễn Đức Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/10/2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Mai Đình Đình	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Đình Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Song Trà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021
Ông Vũ Đức Hậu	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019
Ông Hoàng Anh Quân	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Song Trà – Giám đốc (từ ngày 04 tháng 11 năm 2021).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,
Giám đốc



Huỳnh Song Trà
Ngày tháng năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.077.380.481	209.846.277.967
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.404.715.256	18.086.254.176
1. Tiền	111		7.404.715.256	18.086.254.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.143.217.662	116.096.895.210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	113.581.021.927	79.781.585.353
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.440.074.922	19.612.615.513
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	22.500.000.000	7.480.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	622.120.813	9.222.694.344
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		30.300.235.018	55.397.755.644
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.300.235.018	55.397.755.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.229.212.545	20.265.372.937
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.116.318.060	3.104.158.591
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.095.353.135	17.161.214.346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	17.541.350	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.214.433.839	209.373.005.281
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		339.140.950	125.261.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	339.140.950	125.261.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		204.264.581.059	190.711.309.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	90.523.202.505	95.873.297.238
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>123.914.140.273</i>	<i>120.450.634.759</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(33.390.937.768)</i>	<i>(24.577.337.521)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	113.741.378.554	94.829.766.264
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>141.460.731.976</i>	<i>114.538.054.921</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(27.719.353.422)</i>	<i>(19.708.288.657)</i>
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	8.245.620
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>70.500.000</i>	<i>70.500.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(70.500.000)</i>	<i>(62.254.380)</i>
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.924.530.271	6.924.530.271
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	6.924.530.271	6.924.530.271
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		(21.260.844)	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.260.844)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.707.442.403	9.611.904.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.707.442.403	9.611.904.888
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		436.291.814.320	419.219.283.248

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		256.941.008.083	247.461.985.424
I. Nợ ngắn hạn	310		208.248.862.259	201.358.576.735
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	36.612.563.652	31.108.559.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	533.860.882	636.427.630
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	573.339.073	796.490.422
4. Phải trả người lao động	314		2.749.680.000	3.825.697.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	436.800.000	192.201.284
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	45.890.352
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	167.342.618.652	164.753.310.968
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		48.692.145.824	46.103.408.689
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	48.692.145.824	46.103.408.689
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.350.806.237	171.757.297.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	179.350.806.237	171.757.297.824
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.204.027.465	28.610.206.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.460.266.769	28.610.206.769
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.743.760.696	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		147.978.772	148.291.055
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		436.291.814.320	419.219.283.248

Lập, ngày tháng năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Bùi Hai Võ

Đào Thị Dịu

Huỳnh Song Trà

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHỤ LỤC 1**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2021		Quý IV năm 2020		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			VL1	VL2	VL3	VL4	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL.1	139.246.081.635	112.825.920.690	493.420.945.594	425.669.255.438		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			12.176.845	-	133.198.517		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.2	139.246.081.635	112.813.743.845	493.420.945.594	425.536.056.921		
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	103.598.686.209	79.750.595.007	374.038.934.445	294.047.842.046		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.647.395.426	33.063.148.838	119.382.011.149	131.488.214.875		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	623.655.249	446.000.201	922.054.213	749.780.745		
7. Chi phí tài chính	22		4.241.982.746	3.714.811.782	15.033.728.244	16.463.299.429		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.533.504.891	3.679.144.548	14.259.428.359	16.427.632.195		
8. Chi phí bán hàng	25		21.348.603.229	20.738.110.135	82.207.513.288	86.449.431.502		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.4	1.237.840.170	1.656.280.211	5.242.976.362	6.158.375.822		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.442.624.530	7.399.946.911	17.819.847.468	23.166.888.867		
11. Thu nhập khác	31	VL.5	170.964	42.939.061	101.556.447	4.322.505.379		
12. Chi phí khác	32	VL.6	909.222.275	6.215.237.874	1.471.762.628	12.500.633.958		
13. Lợi nhuận khác	40		(909.051.311)	(6.172.298.813)	(1.370.206.181)	(8.178.128.579)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.533.573.219	1.227.648.098	16.449.641.287	14.988.760.288		

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm nay / Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	709.594.764	110.338.432	1.706.192.874 / 1.484.291.239
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.823.978.455	1.117.309.666	14.743.448.413 / 13.504.469.049
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.824.163.211	1.117.309.666	14.743.760.696 / 13.504.596.183
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(184.756)	-	(312.283) / (127.134)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	547	78	1.031 / 944
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	547	78	1.031 / 944

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu



Bàì Hai Võ

Kế toán trưởng



Đào Thị Dịu

Giám đốc



Huỳnh Song Trà

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.299.701.287	14.764.147.696
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.832.910.632	16.964.232.246
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	21.260.844	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	(23.555.168)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(164.000.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	15.033.728.244	16.318.376.848
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.187.601.007	47.859.201.622
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(43.211.882.541)	(5.042.074.658)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.097.520.626	29.194.570.286
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.527.688.823	(14.158.347.190)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.892.303.016	(3.326.687.650)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.033.728.244)	(20.732.498.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(933.754.111)	(1.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.525.748.576	32.794.164.243
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(30.386.182.569)	(3.108.641.206)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	18.900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	164.000.000

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư 30
 Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

(28.386.182.569)

15.955.358.794

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	330.605.133.845	332.086.111.611
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(321.187.505.395)	(353.294.098.204)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(4.238.733.377)	(13.738.142.007)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>5.178.895.073</i>	<i>(34.946.128.600)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.681.538.920)	13.803.394.437
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.086.254.176	4.283.266.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61			(406.564)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.404.715.256	18.086.254.176

Lập, ngày 26 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Hai Võ

Đào Thị Dịu

Huỳnh Song Trà

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất bột đá CaCO_3 .

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, không có thay đổi về cấu trúc Tập đoàn.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH TALC Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng TALC. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 99% (số đầu năm là 99%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, có 149 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 152 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác và khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý: Việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 15

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.063.146.684	2.441.099.295
Tiền gửi ngân hàng	3.341.568.572	15.645.154.881
Cộng	7.404.715.256	18.086.254.176

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số lượng 2.000 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/1 trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 07 năm (từ năm 2019 đến năm 2026), lãi suất dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng + 1%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>48.196.829.340</i>	<i>42.240.563.310</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	23.842.840.065	8.900.895.410
Công ty Cổ phần Pollyfill	24.353.989.275	33.339.667.900
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>65.384.192.587</i>	<i>37.541.022.043</i>
Công ty cổ phần Công nghiệp EP	19.374.806.550	7.027.315.900
Các khách hàng khác	46.009.386.037	30.513.706.143
Cộng	113.581.021.927	79.781.585.353

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>24.440.074.922</i>	<i>19.612.615.513</i>
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	1.070.540.942
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại và Xuất nhập khẩu Hưng Phát	13.600.000.000	16.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	6.000.000.000	
Các nhà cung cấp khác	3.769.533.980	2.042.074.571
Cộng	<u>24.440.074.922</u>	<u>19.612.615.513</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay^(*)</i>	<i>7.500.000.000</i>	<i>7.480.000.000</i>
Ông Hoàng Anh Quân		7.480.000.000
Bà Nguyễn Thị Nguyễn	7.500.000.000	
Cộng	<u>7.500.000.000</u>	<u>7.480.000.000</u>

^(*) Là khoản Công ty con cho cá nhân vay không lãi suất, thời hạn vay 12 tháng.**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	<i>9.000.000.000</i>	
Ông Lê Hoàn - Tạm ứng ^(*)		-	7.000.000.000	
Ông Vũ Đức Hậu - Tạm ứng ^(*)		-	2.000.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>622.120.813</i>		<i>222.694.344</i>	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	622.120.813		222.694.344	
Cộng	<u>622.120.813</u>		<u>9.222.694.344</u>	

^(*) Tạm ứng để triển khai xây dựng công trình Nhà máy 5 theo Nghị quyết HĐQT số 01.12/2019/NQ-HĐQT-YBM ngày 01 tháng 12 năm 2019.**6b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	23.241.165.343		22.044.096.642	
Công cụ, dụng cụ	1.772.254.044		394.249.676	
Thành phẩm	5.286.815.631		10.270.810.401	
Hàng hóa			22.688.598.925	
Cộng	<u>30.300.235.018</u>		<u>55.397.755.644</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.791.285.252	1.150.795.035
Chi phí sửa chữa	146.031.187	1.364.191.745
Chi phí khác	179.001.621	589.171.811
Cộng	<u>2.116.318.060</u>	<u>3.104.158.591</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	89.223.609	331.961.753
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	7.930.366.101	8.111.874.802
Chi phí sửa chữa	436.985.589	668.278.581
Chi phí bảo hiểm	76.621.384	120.377.128
Các chi phí trả trước dài hạn khác	174.245.720	379.412.624
Cộng	<u>8.707.442.403</u>	<u>9.611.904.888</u>

(*) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO₃ tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	65.840.651.239	39.985.399.193	13.386.137.872	697.924.455	540.522.000	120.450.634.759
Mua trong năm		3.463.505.514				3.463.505.514
Phân loại lại		(108.450.000)		108.450.000		-
Số cuối năm/kỳ	65.840.651.239	43.340.454.707	13.386.137.872	806.374.455	540.522.000	123.914.140.273

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	9.310.434.238	10.174.582.778	4.844.981.134	212.505.731	34.833.640	24.577.337.521
Khấu hao trong năm/kỳ	3.394.137.252	3.757.615.635	1.412.137.788	141.605.172	108.104.400	8.813.600.247
Phân loại lại		(27.112.509)		27.112.509		-
Số cuối năm/kỳ	12.704.571.490	13.868.935.892	6.257.118.922	417.373.424	142.938.040	33.390.937.768

Giá trị còn lại

Số đầu năm	56.530.217.001	29.810.816.415	8.541.156.738	485.418.724	505.688.360	95.873.297.238
Số cuối kỳ	53.136.079.749	29.471.518.815	7.129.018.950	389.001.031	397.583.960	90.523.207.505

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc và thiết bị. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	114.538.054.921	(19.708.288.657)	94.829.766.264
Tăng trong năm	26.922.677.055		26.922.677.055
Khấu hao trong năm		(8.011.064.765)	(8.011.064.765)
Số cuối kỳ	<u>141.460.731.976</u>	<u>(27.719.353.422)</u>	<u>113.741.378.554</u>

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	70.500.000	(62.254.380)	8.245.620
Khấu hao trong năm		(8.245.620)	(8.245.620)
Số cuối kỳ	<u>70.500.000</u>	<u>(70.500.000)</u>	<u>-</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí thăm dò mỏ TALC Mỹ Thuận.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.602.345.300</i>	<i>1.151.454.200</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	1.602.345.300	1.151.454.200
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>35.010.218.352</i>	<i>29.957.104.879</i>
Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại Minh Đức	2.452.523.254	1.024.076.064
Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	1.158.644.490	4.750.241.320
Công ty Cổ phần Mông Sơn	6.132.666.104	3.626.463.225
Công ty cổ phần Thương mại và vận tải Yên Bái	3.047.153.919	1.421.597.375
Các nhà cung cấp khác	22.219.230.585	19.134.726.895
Cộng	<u>36.612.563.652</u>	<u>31.108.559.079</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>533.860.882</i>	<i>636.427.630</i>
MANIKYA CREATIONS PVT LTD	-	237.894.772
FINEMINERALS AND CHEMICALS	-	194.692.916
Mkal India	-	68.157.180
Super Plastics	305.829.563	-
Pt. Citra Gemilang Plastindo	81.232.200	-
Các khách hàng khác	146.799.119	135.682.762
Cộng	<u>533.860.882</u>	<u>636.427.630</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	46.615.464.701	(46.615.464.701)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.923.050.594	(2.940.571.944)	-	17.521.350
Thuế thu nhập doanh nghiệp	783.754.111	-	1.706.192.874	(2.198.909.636)	291.037.349	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.736.311	-	327.545.443	(57.980.030)	282.301.724	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	114.094.542	(114.094.542)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.837.826	(5.837.826)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	9.759.384	(9.779.384)	-	20.000
Cộng	796.490.422	-	51.701.945.364	(51.942.638.063)	573.339.073	17.541.350

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10 %.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 do Ban quản lý dự án Các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư với thuế suất 20% trong 50 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế từ kỳ tính thuế năm 2016.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

17. Vay và nợ thuế tài chính

17a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	167.342.618.652	159.803.337.960
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long ⁽ⁱ⁾	69.364.155.048	81.003.822.647
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I ⁽ⁱⁱ⁾	97.978.463.604	78.799.515.313
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	-	320.000.000
<i>Nợ thuế tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	-	4.629.973.008
Cộng	167.342.618.652	164.753.310.968

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 08/2020-HĐCVDADT/NHCT140- YBM ngày 24 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

với hạn mức 80 tỷ VND. Thời gian duy trì hạn mức đến hết 30/6/2021. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

- (ii) Khoản Công ty mẹ vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/7958039/HDTD ngày 29 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 120 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 30/09/2021. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (i)	160.000.000	160.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	15.000.000.000	21.000.000.000
Bà Hồ Nhật Lệ (ii)	8.000.000.000	11.000.000.000
Bà Đặng Thị Minh Trang (iii)		10.000.000.000
Bà Hoàng Thị Phương	7.000.000.000	
Nợ thuê tài chính	33.532.145.824	24.943.408.689
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội (iv)	1.601.272.488	1.601.272.488
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (v)	31.930.873.336	23.342.136.201
Cộng	48.692.145.824	46.103.408.689

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản Công ty mẹ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 03/2017/7958039/HDTD ngày 16 tháng 6 năm 2017 thời hạn 60 tháng tính từ ngày khoản vay đầu tiên được giải ngân, với lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất năm 2019 là 10,9%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản Công ty mẹ vay tín chấp theo Hợp đồng vay vốn với bà Hồ Nhật Lệ ngày 25 tháng 12 năm 2019 với số tiền cho vay 11.000.000.000 VND, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (iii) Khoản Công ty mẹ vay tín chấp theo Hợp đồng vay vốn với bà Đặng Thị Minh Trang ngày 20 tháng 12 năm 2019 với số tiền cho vay 10.000.000.000 VND, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (iv) Khoản Công ty mẹ nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng số 21718000169/HĐCTTC ngày 19/11/2018, số 21718000170/HĐCTTC ngày 19/11/2018 và số 21718000185/HĐCTTC ngày 22/12/2018, tài sản thuê tài chính là hệ thống phân tích thước hạt, máy tráng phủ và dây chuyền nghiền thô - rửa đá, tổng giá trị thuê 4.159.080.000 VND (chưa gồm thuế GTGT), thời hạn 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính được đảm bảo bằng tổng số tiền 125.261.000 VND và chịu lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 2,6%/năm.
- (v) Khoản Công ty mẹ nợ thuê tài chính của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Hợp đồng số 14.17.04/CTTC và số 14.17.05/CTTC ngày 20/10/2017 với số tiền cho thuê lần lượt là 4.262.326.091 VND (chưa bao gồm thuế GTGT) và 1.160.460 USD, đã giải ngân 1.120.070 USD (chưa bao gồm thuế GTGT), tài sản thuê tài chính là trạm biến áp, máy rửa đá, máy nghiền đứng, máy nghiền Lum 1125, thời hạn thuê 60 tháng. Thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng, ân hạn 3 tháng. Lãi suất cho thuê: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng đối với cá nhân hình thức trả lãi sau do Vietcombank Sở giao dịch công bố cộng biên độ 3%/năm (đối với khoản VND); và lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 3,1%/năm (đối với khoản USD). Khoản vay được bảo đảm bằng cam kết bảo lãnh của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu.

+ Hợp đồng số 14.18.02/CTTC và 14.18.03/CTTC ngày 04/6/2018 với số tiền cho thuê lần lượt là 467.600 USD, đã giải ngân 434.200 USD (chưa bao gồm thuế GTGT) và 17.931.240.615 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), tài sản thuê tài chính là 2 máy nghiền bột đá HCB 1398 và HCB 1395, thời hạn thuê 60 tháng. Thời hạn thu hồi nợ gốc là: 59 tháng, ân hạn 1 tháng (đối với khoản USD); và 57 tháng, ân hạn 3 tháng (đối với khoản VND). Lãi suất cho thuê: Bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng USD cộng biên độ 2,9%/năm (đối với khoản USD); và lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm (đối với khoản VND)

+ Hợp đồng số 14.18.04/CTTC ngày 29 /8/2018 với số tiền cho thuê là 2.035.727.273 VND (chưa bao gồm thuế GTGT), thời hạn thuê 60 tháng (đối với máy xúc lật), và 36 tháng (đối với xe nâng). Thời hạn thu hồi nợ gốc là 57 tháng (đối với máy xúc lật) và 33 tháng (đối với xe nâng), ân hạn 3 tháng). Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất Libor kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cộng biên độ 3%/năm.

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000	15.330.040.851	148.590.567	158.477.431.418
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	12.354.260.143	(127.134)	12.354.133.009
Số dư cuối kỳ trước	142.998.800.000	27.684.300.994	148.463.433	170.831.564.427
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	28.610.206.769	148.291.055	171.757.297.824
	-	14.743.760.696	(312.283)	14.743.448.413
Lợi nhuận trong kỳ này	-	(7.149.940.000)	-	(7.149.940.000)
Số dư cuối kỳ này	142.998.800.000	36.204.027.465	147.978.772	179.350.806.237

18b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	14.299.880	14.299.880
- Cổ phiếu phổ thông	14.299.880	14.299.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.299.880	14.299.880
- Cổ phiếu phổ thông	14.299.880	14.299.880
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 81.016,27 USD (số đầu năm là 66.456,13 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa, thành phẩm.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lãi trên cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Cổ đông Công ty mẹ	14.743.760.696	13.504.469.049
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.743.760.696	13.504.469.049
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.299.880	14.299.880
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.031	944

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.299.880	14.299.880

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Europlast	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Pollyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Long An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Europlast Phú Yên	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.13.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO₃.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 27 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Hai Võ

Đào Thị Dịu

Huỳnh Song Trà